

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: **94/2018/HS-PT**
Ngày 28/5/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Đức Kỳ**

Ông **Trần Minh Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Quỳnh Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2018/HSPT ngày 10/4/2018 đối với bị cáo Nguyễn Đại H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN ĐẠI H; Tên gọi khác: Út; Sinh năm 1990 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: Tổ 197 phường A, quận T, TP. Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Số 79 Đ, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T; có vợ là Lê Thị Thu T1; Tiền án, tiền sự: Chưa;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 80 ngày 27-10-2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Thanh Khê; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02-2017, chị Lê Thị T2 có vay của Lê Thị Thu T1 70.000.000 đồng và T2 đứng ra vay số tiền 50.000.000 đồng để cho người khác vay trả góp lấy tiền hàng ngày, tổng cộng là 120.000.000 đồng. Các lần vay trên không ghi lãi suất cụ thể trong giấy vay mượn tiền chỉ thỏa thuận miệng là vay 10.000.000 đồng thì chị T2 phải trả tiền góp hàng ngày cho T1 200.000 đồng cho đến khi đủ 11.000.000 đồng thì xong (tương đương trả lãi suất 5,45%/tháng). Đến tháng 8/2017 thì chị T2 không còn khả năng trả nợ nữa nên T1 và Nguyễn Đại H (là chồng của T1) nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà chị T2 đòi tiền nhưng không được.

Đến khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/9/2017, chị T2 gọi điện thoại hẹn gặp Tuyết và chị Lê Thị Mỹ H1 (là bạn của chị T2) tại quán cà phê C số 481 đường N thuộc phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng để giải quyết việc trả nợ. Trước khi đi thì T1 có nói với H1 là đến quán cà phê gặp chị T2 để đòi tiền nợ, nếu không đòi được sẽ điện thoại cho H đến. Sau đó, T2 và H1 đến quán cà phê ngồi trước, chị T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 43D1-323.xx đến sau. Lúc này H gọi điện thoại cho T1 hỏi nên biết địa chỉ quán cà phê rồi H rủ cháu ruột là Nguyễn Duy Đ đi cùng, H chở Đ trên xe mô tô Rebel màu đen, mang biển kiểm soát: 51A1-20xx đến quán cà phê để gặp chị T2 đòi nợ. Khi đến nơi thì Đ đứng ngoài còn H đi đến bàn T1, H1 và chị T2 đang ngồi, H chửi bới và dùng tay đánh 02 cái vào mặt chị T2, sau đó H tiếp tục cầm ly nước hắt vào người chị T2 làm chị T2 sợ không dám phản kháng. H cầm tay chị T2 kéo ra ngoài và yêu cầu lên xe mô tô để H chở về nhà giải quyết nợ, chị T2 xin ở tại quán cà phê nói chuyện nhưng H không đồng ý và tiếp tục chửi bới chị T2. Còn Lê Thị Mỹ H1 trả tiền nước rồi chạy xe về nhà H1.

Lúc này T1 lấy xe của chị T2 và bảo chị T2 ngồi sau xe để T1 chở, H và Đ ,chạy xe theo sát phía sau về nhà trọ của vợ chồng H tại số 79 Đ, phường A, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. H, T1, Đ đưa chị T2 vào ngồi ở trước hiên dãy nhà trọ, còn

ba người đứng xung quanh. Tại đây H và T1 tiếp tục chửi mắng, hăm dọa và yêu cầu chị T2 trả tiền và yêu cầu gọi điện cho chồng cũ là ông Đặng Văn M và nói ông M mượn 20.000.000 đồng trả nợ. Sau đó H và T đến nhà ông M viết giấy nợ 20.000.000 đồng nhưng ông M không viết nên hai người bỏ về. Trước khi đến nhà ông M thì H nói Đ ở lại trông giữ chị T2.

Sau khi từ nhà ông M về H và T1 tiếp tục chửi bới, dùng tay chân đánh nhiều cái vào chị T2 và yêu cầu chị T2 gọi điện cho con gái là Lê Thị Hoàng Y đến viết giấy hẹn trả nợ hàng tháng 5.000.000 đồng thì mới cho chị T2 về nhưng do đi làm nên Y chưa về được. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì Đ có việc nhà nên đi về.

Đến 20 giờ 00 phút cùng ngày thì chị Nguyễn Thị Cẩm T3 là chị ruột của H đến nhà trọ chơi, H và T1 nhờ chị T3 khuyên chị T2 trả tiền rồi hai người đi ăn tối. Trước khi đi ăn, H hăm dọa nếu chị T2 trốn sẽ thuê người tìm đánh nên chị T2 không dám bỏ đi. Chị T3 đứng nói chuyện với chị T2 khoảng 20 phút thì H và T1 đi ăn về, chị T3 cũng đi về nhà mình. Lúc này do chưa thấy Y đến nên T1 dùng chân, tay đánh chị T2, H dùng tay và mũ bảo hiểm đánh vào người chị T2 làm chị T2 sợ không dám phản kháng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút thì chị Y đến Công an phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trình báo sự việc nên Công an phường Thanh Khê đến bắt quả tang H và T1 đang có hành vi giữ chị T2 trái pháp luật nên mời tất cả về trụ sở để làm việc.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Bị cáo Nguyễn Đại H phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 123 BLHS 1999; Điều 7; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đại H** 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Lê Thị Thu T1, Nguyễn Duy Đ, phân trách nhiệm dân sự, xử lý tang vật, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 20/3 /2018, bị cáo Nguyễn Đại H có đơn kháng cáo với nội dung: xin cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về phần thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đại H có đầy đủ nội dung theo thủ tục kháng cáo và nằm trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung đơn kháng cáo thì thấy: bị cáo Nguyễn Đại H có vai trò chính trong việc bắt giữ bà Lê Thị T2, là người khởi xướng, thực hành, nhiều lần dùng vũ lực đối với bà T2 nên Bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” đối với bị cáo Nguyễn Đại H theo Khoản 1 Điều 123 BLHS 1999 là có căn cứ, đúng tội. Bản án sơ thẩm cũng đã xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, vai trò và nhân thân của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H 15 (Mười lăm) tháng tù là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Đại H đã thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo về tội “Bắt giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 123 BLHS 1999 là đúng. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của bị cáo Nguyễn Đại H phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: do không thỏa thuận được việc trả nợ nên bị cáo Nguyễn Đại H cùng với Lê Thị Thu T1 và Nguyễn Duy Đ đã có hành vi bắt giữ Lê Thị T2 để yêu cầu bà T2 trả nợ như Bản án sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 06/3/2018 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Đại H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có vai trò chính trong việc khởi xướng, thực hành và dùng vũ lực nhiều lần đối với bà Lê Thị T2. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền tự do

thân thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, vai trò, mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo đồng thời áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên xét thấy cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Đại H 15 (Mười lăm) tháng tù là phù hợp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đại H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đại H** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 123 BLHS 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội; Khoản 3 Điều 7; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đại H** phạm tội “Bắt giữ người trái pháp luật”;

2/ Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đại H** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Đại H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ 1;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Công an quận Thanh Khê ;
- TAND quận Thanh Khê ;
- Chi cục THA quận Thanh Khê ;
- Sở tư pháp TPĐN;
- TB kết quả xét xử;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; HCTP.

(Đã ký)

Bùi Trọng Danh